Số: 61/2026/TT-BNNMT
Thời gian ký: 2026-11-27T11:06:12+07:00

Phụ lục III

MÔ HÌNH THAM CHIẾU DỮ LIỆU LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2026/TT-BNNMT ngày... tháng... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. Miền dữ liệu: Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

TT	Nhóm dữ liệu	Dữ liệu	Mức độ nhạy cảm	Lớp dữ liệu	Bảng dữ liệu tương ứng	Nhóm nghiệp vụ	Nghiệp vụ
1	Khu vực bảo tồn đa dạng sinh học	- Khu bảo tồn thiên nhiên: Vườn quốc gia, Khu dự trữ thiên nhiên, Khu bảo vệ cảnh quan, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; - Khu vực bảo tồn đa dạng sinh học khác: Hành lang đa dạng sinh học, Khu vực đa dạng sinh học cao, Khu cảnh quan sinh thái quan trọng, Vùng đất ngập nước quan trọng; - Khu vực có danh hiệu quốc tế: Vườn di sản ASEAN; Vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế; Khu dự trữ sinh quyển thế giới; - Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	Trung bình	DLG, DLC, DM, GD, TH, MO	DLG_VanBanCongNhan DLG_BoSuuTap DLG_TuLieuLuuTru DLG_KiemTraChuyenNganh DLC_KhuVucBaoTon DLC_CoSoBaoTon DM_PhanNhomBaoTon DM_LoaiHinhKhuBaoTon DM_LoaiDanhHieuQuocTe DM_PhanLoaiIUCN DM_LoaiHinhCoSoBaoTon DM_ChucNangCoSoBaoTon DM_DVHC GD_HoSo TH_SoLieuThongKe DM_ChiTieuThongKe MO_DanhSachKBTTN MO_DanhSachDSTNQuocTe MO_DanhSachCoSoBaoTon	Quản lý Khu vực bảo tồn đa dạng sinh học	Thành lập khu bảo tồn thiên nhiên; Công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia; Đề cử danh hiệu quốc tế để tổ chức quốc tế công nhận (khu Ramsar/Vườn di sản ASEAN/khu dự trữ sinh quyển thế giới); Cấp giấy chứng nhận thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

TT	Nhóm dữ liệu	Dữ liệu	Mức độ nhạy cảm	Lớp dữ liệu	Bảng dữ liệu tương ứng	Nhóm nghiệp vụ	Nghiệp vụ
2	Khu hệ sinh thái	Hệ sinh thái rừng; hệ sinh thái đất ngập nước; hệ sinh thái biển, đảo; hệ sinh thái trên cạn khác.	Trung bình	DLG, DLC, DM, GD, TH	DLG_BoSuuTap DLG_TuLieuLuuTru DLC_KhuHeSinhThai DM_HeSinhThai DM_LoaiDichVuHST DM_ChiTieuThongKe DM_DVHC GD_HopDongChiTraDichVuHST TH_SoLieuThongKe	Quản lý khu hệ sinh thái	Lượng giá hệ sinh thái; Chi trả dịch vụ hệ sinh thái
3	Loài sinh vật	- Loài nguy cấp, quý, hiếm; loài đặc hữu; loài hoang dã di cư; loài ngoại lai xâm hại; - Cá thể được bảo tồn.	Trung bình, cao	DLG, DLC, DM, GD, TH, MO	DLG_BoSuuTap DLG_TuLieuLuuTru DLC_HoSoLoai DLC_CaTheBaoTon DM_GioiSinhHoc DM_NganhSinhHoc DM_LopSinhHoc DM_BoSinhHoc DM_HoSinhHoc DM_ChiSinhHoc DM_LoaiSinhHoc DM_DuoiLoaiSinhHoc DM_NguyCapQuyHiem DM_PhanNhomNguyCapQuyHiem DM_PhanLoaiDiCu GD_GiayPhep GD_HoSo TH_SoLieuThongKe DM_ChiTieuThongKe MO_DanhSachLoaiNguyCapQuyHiem MO_DanhSachLoaiNgoaiLaiXamHai	Quản lý loài	Quản lý danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; Công bố, cấp phép khai thác loài nguy cấp, quý, hiếm; Công bố danh mục loài ngoại lai xâm hại; Chăm sóc, tái thả các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

TT	Nhóm dữ liệu	Dữ liệu	Mức độ nhạy cảm	Lớp dữ liệu	Bảng dữ liệu tương ứng	Nhóm nghiệp vụ	Nghiệp vụ
4	Gen	- Nguồn gen động vật hoang dã; thực vật hoang dã; nguồn gen các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; nguồn gen giống cây trồng, giống vật nuôi nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Tri thức truyền thống; - Mẫu vật di truyền.	Trung bình, cao	DLG, DLC, DM, GD, TH	DLG_BoSuuTap DLG_TuLieuLuuTru DLC_NguonGen DLC_TriThucTruyenThong DLC_MauVatDiTruyen DM_PhanLoaiNguonGen DM_ChiTieuThongKe GD_GiayPhep GD_HoSo TH_SoLieuThongKe	Quản lý nguồn gen	Bảo tồn, lưu trữ nguồn gen; Bảo tồn tri thức truyền thống; Công bố, cấp phép tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
5	An toàn sinh học	Sinh vật biến đổi gen, sinh vật chỉnh sửa gen; mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen.	Trung bình, cao	DLG, DLC, DM, GD, TH, MO	DLG_BoSuuTap DLG_TuLieuLuuTru DLC_SinhVatBienDoiGen DLC_MauVatDiTruyen DM_ChiTieuThongKe GD_GiayPhep GD_HoSo TH_SoLieuThongKe MO_ThongTinGMO	Quản lý an toàn sinh học	Quản lý sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền và sản phẩm biến đổi gen; Cấp giấy chứng nhận an toàn sinh học; Cấp giấy phép sinh vật biến đổi gen
6	Điều tra, kiểm kê, quan trắc về đa dạng sinh học	Kiểm kê khu vực bảo tồn; Điều tra, kiểm kê, quan trắc hệ sinh thái; Điều tra, kiểm kê, quan trắc loài sinh vật; Điều tra nguồn gen.	Trung bình, cao	DLG, DM, TH	DLG_DieuTraKiemKeQuanTrac DLG_BoSuuTap DLG_TuLieuLuuTru TH_SoLieuThongKe DM_ChiTieuThongKe DM_LoaiKetQuaDTKKQT DM_DVHC	Điều tra, kiểm kê, quan trắc về đa dạng sinh học	Điều tra đa dạng sinh học; Kiểm kê đa dạng sinh học; Quan trắc đa dạng sinh học

TT	Nhóm dữ liệu	Dữ liệu	Mức độ nhạy cảm	Lớp dữ liệu	Bảng dữ liệu tương ứng	Nhóm nghiệp vụ	Nghiệp vụ
7	Hồ sơ, báo cáo	Báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn, báo cáo kết quả điều tra đánh giá di sản thiên nhiên, báo cáo các vùng đất ngập nước cấp tỉnh, báo cáo các vùng đất ngập nước trên toàn quốc; báo cáo hiện trạng ĐDSH quốc gia; Kết quả kiểm tra chuyên ngành về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	Trung bình, cao	DLG, DM, TH, MO	DLG_TuLieuLuuTru DM_LoaiBaoCaoDDSH DM_LoaiGiayPhep DM_CoQuanDonVi DM_ChiTieuThongKe DM_DVHC TH_SoLieuThongKe MO_BCHienTrangDDSHQG	Quản lý hồ sơ, báo cáo	Quản lý các loại báo cáo và kết quả kiểm tra chuyên ngành về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
8	Siêu dữ liệu	Tập dữ liệu, từ điển, nguồn, phiên bản	Trung bình, cao	SDL	Các bảng SDL	Quản trị dữ liệu	Danh mục hóa, truy xuất, quản lý phiên bản

II. Mô hình tham chiếu dữ liệu lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

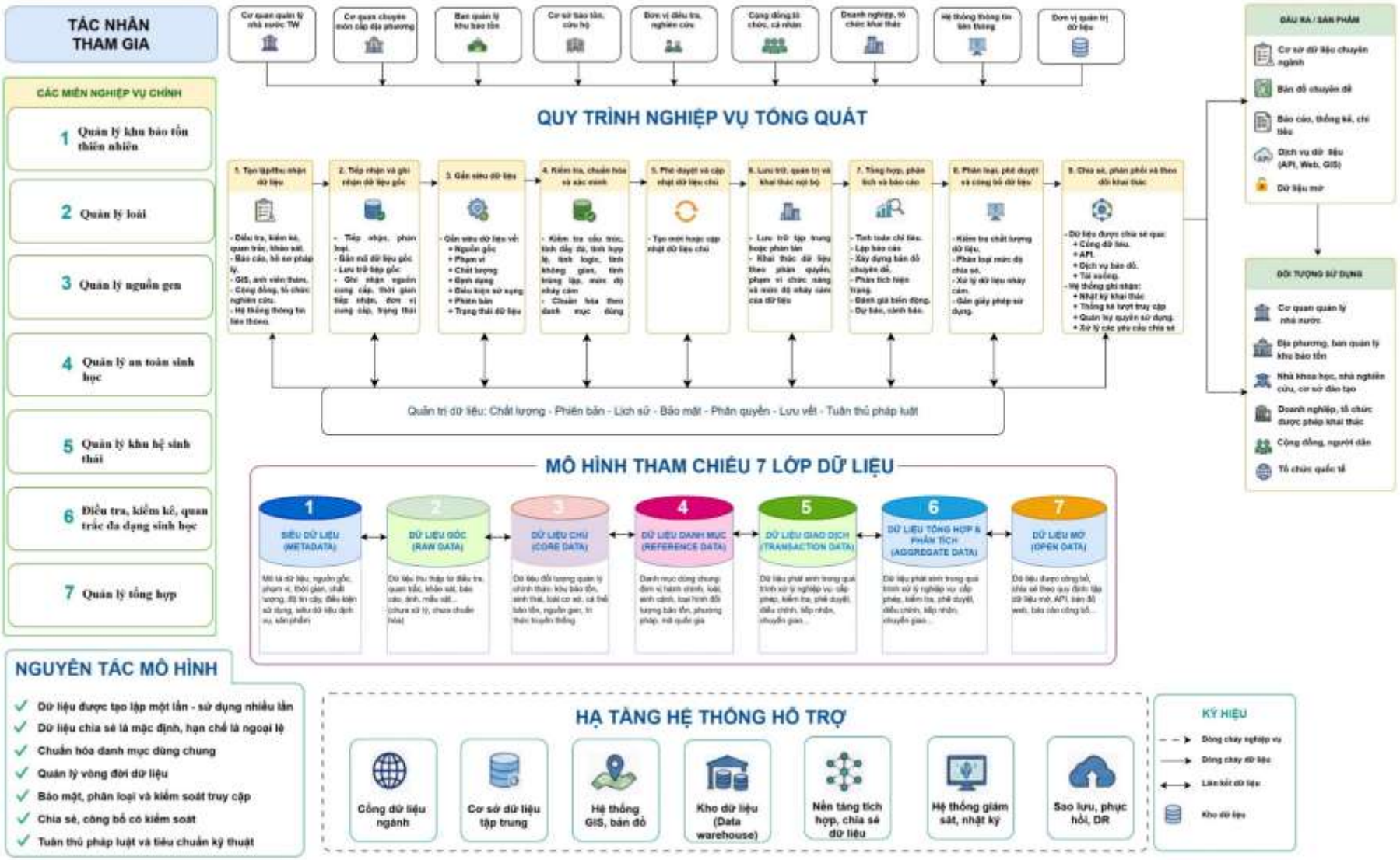

Mô hình tham chiếu dữ liệu lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học